TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 34/2025/KDTM-PT

Ngày: 24/02/2025

"*V/v: Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Xuân Tuấn**

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Thái Sơn - Thẩm phán.
2. Ông Bùi Đức Bằng - Thẩm phán.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Phan Thị Tình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21/02/2025 và 24/02/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 315/2024/TLPT-KDTM ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 871/QĐXXST-KDTM ngày 27/12/2024; Thông báo mở lại phiên tòa số 30/2025/TB-TA ngày 07/02/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty cổ phần Đầu tư N**; Địa chỉ: 320/2A Trần Bình Trọng, Phường 4, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Trung Q – Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đăng C, Hộ khẩu thường trú: Tổ 4 Phù Đổng, Thành phố P, tỉnh Gia Lai; Bà Trịnh Khánh C, sinh năm 1984; Hộ khẩu thường trú: 202-A1 TT Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận B.Đ, Thành phố Hà Nội (Theo giấy uỷ quyền ngày 03/01/2024)

(Bà Chi có mặt, ông Cao có đơn xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ngân hàng TMCP Đầu tư và P.T Việt Nam; Địa chỉ: Tháp B, số 194 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận H.K, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc Lâm – Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và P.TViệt Nam; Đại diện theo uỷ quyền: Ông Võ Hải Nam – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng B – Chi nhánh H.T(Theo Quyết định về việc uỷ quyền tham gia tố tụng, phá sản và thi hành án dân sự số 3828/QĐ-B ngày

01/7/2024); Uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Mạnh C– Phó giám đốc chi nhánh, Ông Nguyễn Thế A – Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp 1, Ông Trần Tuấn C – Phó trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp 1, Ông Phan Trọng T – Chuyên viên Phòng KH Doanh nghiệp 1, Bà Lê Thị Thuỳ T– Phó trưởng phòng Phòng QLRR (Theo Quyết định về việc uỷ quyền lại việc tham gia tố tụng và thi hành án dân sự số 2187/QĐ – B.HTH ngày 22/8/2024)

(Bà T, ông C, ông Thế A có mặt; ông N vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần Đầu tư thương mại V.P; Địa chỉ: Tầng 9 toà nhà 3D, số 3 Phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận C.G, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Bà Lương Thị Việt H – Giám đốc. Đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Đức H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/12/2023 và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án có trong hồ sơ thì để bảo lãnh cho việc thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền tạm ứng và nghĩa vụ thực hiện hợp đồng giữa nguyên đơn Công ty cổ phần Đầu tư N (viết tắt là "Công ty N"/công ty N) và Công ty cổ phần Đầu tư thương mại V.P (gọi tắt là "Công ty V.P"), Ngân hàng B đã phát hành 3 thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng và 3 thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, tổng cộng là 6 thư bảo lãnh. Cụ thể như sau:

Ngày 24/8/2022, Công ty N và Công ty V.P ký kết Hợp đồng mua bán hàng hoá số 248-1/HDMB/VP-N (gọi tắt là HĐMB số 248-1). Giá trị hợp đồng: 16.200.000.000 đồng. Số lượng hàng hoá: 300.000 kg hạt nhựa nguyên sinh PP T3034, đơn giá: 27.000/kg; hạt nhựa nguyên sinh NSY 114G là 300.000 kg, đơn giá: 27.000/kg. Địa điểm giao hàng: Kho Dung Quất, Quảng Nghĩa đối với sản phẩm PP T3034 và tại kho Nghi Sơn, T.H đối với sản phẩm NSY 114G. Thời hạn giao hàng: Trong vòng 45 ngày kể từ ngày Bên mua (Công ty N) chuyển 100% giá trị hợp đồng vào tài khoản B của bên Bán (Công ty V.P). Bên bán có trách nhiệm thông báo thời gian giao hàng cho Bên mua ít nhất 2 ngày trước khi giao hàng. Bên bán được tính hoàn thành nghĩa vụ giao hàng khi cung cấp được cho Bên mua: a. Hoá đơn GTGT; b. Biên bản giao nhận hàng hoá (bản gốc) có chữ ký và đóng dấu của Bên mua.

Cùng ngày 24/8/2022, hai bên ký kết Hợp đồng mua bán hàng hoá số 248-2/HDMB/VP-N(sau đây gọi tắt là HĐMB số 248-2): Giá trị hợp đồng 24.300.000.000 đồng; Số lượng hàng hoá: Hạt nhựa nguyên sinh PP T3034 là 450.000 kg, đơn giá: 27.000/ kg; Hạt nhựa nguyên sinh NSY 114G là 300.000 kg, đơn giá: 450.000/ kg; Địa điểm giao hàng: Kho Dung Quất, Quảng Nghĩa đối với sản phẩm PP T3034 và tại kho Nghi Sơn, T.H đối với sản phẩm NSY 114G. Thời hạn giao hàng: Trong vòng 45 ngày kể từ ngày Bên mua (Công ty N) chuyển 100% giá trị hợp đồng vào tài khoản B của bên Bán (Công ty V.P). Bên bán có trách nhiệm thông báo thời gian giao hàng cho Bên mua ít nhất 2 ngày trước khi giao hàng. Bên bán được tính hoàn thành nghĩa vụ giao hàng khi cung cấp được cho Bên mua: a. Hoá đơn GTGT; b. Biên bản giao nhận hàng hoá (bản gốc) có chữ ký và đóng dấu của Bên mua.

Ngày 12/9/2022, hai bên ký kết Hợp đồng mua bán hàng hoá số 1209-1/HDMB/VP-N (sau đây gọi tắt là HĐMB số 1209-1): Giá trị hợp đồng 16.080.000.000 đồng; Số lượng hàng hoá: Hạt nhựa nguyên sinh PP T3034 là 300.000 kg, đơn giá: 26.800/ kg; Hạt nhựa nguyên sinh NSY 114G là 300.000 kg, đơn giá: 26.800/ kg; Địa điểm giao hàng: Kho Dung Quất, Quảng Nghĩa đối với sản phẩm PP T3034 và tại kho Nghi Sơn, T.H đối với sản phẩm NSY 114G. Thời hạn giao hàng: Trong vòng 45 ngày kể từ ngày Bên mua (Công ty N) chuyển 100% giá trị hợp đồng vào tài khoản B của bên Bán (Công ty V.P).

Theo đó, sau khi Hợp đồng mua bán có hiệu lực, bên bán sẽ cung cấp cho bên mua: Bảo lãnh tiền tạm ứng và Bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Trường hợp bên bán không giao hàng đúng hạn cho bên mua theo Hợp đồng thì bên bán phải trả cho bên mua tiền phạt thực hiện hợp đồng bằng Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng và Bảo lãnh tiền tạm ứng.

Ngày 24/8/2022, Ngân hàng B đã phát hành Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số Ref là GI22B93232 với giá trị bảo lãnh là **15.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm tỉ đồng)** để đảm bảo cho nghĩa vụ hoàn trả tiền ứng trước của Công ty V.P theo HĐMB số 248-1.

Vào các ngày 21/10/2022, 23/11/2022, 23/12/2022, Ngân hàng B đã ban hành lần lượt các Thư sửa đổi bảo lãnh dựa trên Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số Ref là GI22B93232, với nội dung chính như sau: *"Thư bảo lãnh này có hiệu lực trong vòng 60 ngày kể từ ngày toàn bộ số tiền tạm ứng nói trên được ghi có vào Tài khoản số 1221.000.2111.340 của Công ty cổ phần Đầu tư thương mại V.P tại Ngân hàng B" trong mọi trường hợp không muộn hơn ngày 23/10/2022"* thành *"Thư bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày toàn bộ số tiền tạm ứng trên được ghi có vào Tài khoản số 1221.000.2111.340 của Công ty cổ phần Đầu tư thương mại V.P tại Ngân hàng B đến hết ngày 23/02/2023."*

Bảo lãnh theo hợp đồng hạn mức tín dụng đã ký kết giữa Công ty V.P và B H.T. Số tiền phát hành ban đầu là 15.000.000.000 đồng. Sau đó sửa đổi bổ sung bảo lãnh là 6.900.000.000 đồng.

Ngày 24/8/2022, Ngân hàng B phát hành Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số Ref GD22B93209 với giá trị bảo lãnh là **750.000.000 đồng (**Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi triệu đồng) để đảm bảo thực hiện Hợp đồng mua bán số 248-1/HDMB/VP-N ngày 24/08/2022 được ký kết giữa CTCP Đầu tư N và CTCP Đầu tư Thương mại V.P.

Vào các ngày 21/10/2023, 23/11/2022, 23/12/2022, Ngân hàng B đã ban hành lần lần các Thư sửa đổi bảo lãnh dựa trên Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số Ref GI22B93209, với nội dung chính như sau: Thời hạn bảo lãnh sửa đổi từ *"Thư bảo lãnh này có hiệu lực trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát hành"* thành *"Thư bảo lãnh này có hiệu lực từ ngày phát hành đến hết ngày 23/02/2023"*.

Ngày 24/8/2022, nguyên đơn đã chuyển khoản vào tài khoản của Công ty V.P tổng cộng 19 lần, mỗi lần chuyển khoản 499.999.999 đồng. Tổng số tiền là 9.499.999.981 đồng.

Ngày 25/8/2022 nguyên đơn chuyển khoản vào tài khoản của Công ty V.P tổng cộng 02 lần, lần 1 là 499.999.999 đồng, nội dung: Chuyển khoản ứng trước tiền HD 248-1/HDMB/VP-N, lần 2 là 5.500.000.000 đồng, nội dung: Thanh toán HĐMB số 248-1/HDMB/VP-N.

Ngày 25/8/2022, Ngân hàng B đã phát hành Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số Ref là GI22B93793 với giá trị bảo lãnh là **24.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi tư tỉ đồng) để đảm bảo cho nghĩa vụ hoàn trả tiền ứng trước của Công ty V.P theo HĐMB số 248-2.

Vào các ngày 21/10/2022, 23/11/2022, 23/12/2022, Ngân hàng B đã ban hành lần lần các Thư sửa đổi bảo lãnh dựa trên Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước Ref là GI22B93793, với nội dung chính như sau: Thời hạn bảo lãnh sửa đổi từ *"Thư bảo lãnh này có hiệu lực trong vòng 60 ngày kể từ ngày toàn bộ số tiền tạm ứng nói trên được ghi có vào Tài khoản số 1221.000.2111.340 của Công ty cổ phần Đầu tư thương mại V.P tại Ngân hàng B"* thành *"Thư bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày toàn bộ số tiền tạm ứng trên được ghi có vào Tài khoản số 1221.000.2111.340 của Công ty cổ phần Đầu tư thương mại V.P tại Ngân hàng B đến hết ngày 23/02/2023."*

Ngày 26/8/2022, nguyên đơn chuyển vào tài khoản của Công ty V.P số tiền 24.000.000.000 đồng, nội dung: Thanh toán trước HD số 248-2H DMBVP-NVAT.

Ngày 25/8/2022, Ngân hàng B phát hành Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số Ref GI22B93776 với giá trị bảo lãnh là **1.200.000.000 đồng** (Bằng chữ: Một tỉ, hai trăm triệu đồng) để đảm bảo cho việc thực hiện HĐMB số 248-2.

Vào các ngày 21/10/2022, 23/11/2022, 23/12/2022, Ngân hàng B đã ban hành lần lần các Thư sửa đổi bảo lãnh dựa trên Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số Ref GI22B93776, với nội dung chính như sau: Thời hạn bảo lãnh sửa đổi từ *"Thư bảo lãnh này có hiệu lực trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát hành"* thành *"Thư bảo lãnh này có hiệu lực từ ngày phát hành đến hết ngày 23/02/2023"*.

Ngày 15/9/2022, Ngân hàng B đã phát hành Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số Ref là GI22BA2027 với giá trị bảo lãnh 15.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm tỉ đồng) để đảm bảo nghĩa vụ hoàn tiền ứng trước để đảm bảo cho nghĩa vụ hoàn trả tiền ứng trước của CTCP Đầu tư thương mại V.P theo Hợp đồng mua bán số 1209-1/HDMB/VP-N ngày 12/09/2022 được ký giữa CTCP Đầu tư N và CTCP Đầu tư Thương mại V.P.

Vào các ngày 11/11/2022, 28/11/2022, 23/12/2022, Ngân hàng B đã ban hành lần lượt các Thư sửa đổi bảo lãnh dựa trên Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số Ref là GI22BA2027, với nội dung chính như sau:

- Giá trị bảo lãnh sửa đổi từ *"15.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm tỉ đồng)"* thành ***"7.978.400. 000 đồng*** *(Bằng chữ: Bảy tỉ, chín trăm bảy mươi tám triệu, bốn trăm ngàn đồng)"*.

- Thời hạn bảo lãnh sửa đổi từ *"Thư bảo lãnh này có hiệu lực trong vòng 60 ngày kể từ ngày toàn bộ số tiền tạm ứng nói trên được ghi có vào Tài khoản số 1221.000.2111.340 của Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại V.P tại ngân hàng B – Chi nhánh H.T"* thành *"Thư bảo lãnh có hiệu lực kể từ ngày toàn bộ số tiền tạm ứng nói trên được ghi có vào Tài khoản số 1221.000.2111.340 của Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại V.P tại ngân hàng B hết ngày 28/02/2023".*

Ngày 15/9/2022, nguyên đơn chuyển vào tài khoản của Công ty V.P số tiền 15.000.000.000 đồng, nội dung: HBCK HDMB số 1209-1 HDMBVP-NVAT.

Ngày 15/9/2022, Ngân hàng B phát hành Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 1315/TBL-B.HTH có số Ref là GI22BA2059 với giá trị bảo lãnh là **750.000.000 đồng** (Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi triệu đồng) để đảm bảo cho việc thực hiện Hợp đồng mua bán số 1209-1/HDMB/VP-N ngày 12/09/2022 được ký giữa CTCP Đầu tư N và CTCP Đầu tư Thương mại V.P.

Vào các ngày 11/11/2022, 28/11/2022, 23/12/2022, Ngân hàng B đã ban hành lần lượt các Thư sửa đổi bảo lãnh dựa trên Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 1315/TBL-B.HTH có số Ref là GI22BA2059, với nội dung chính như sau: Thời hạn bảo lãnh sửa đổi từ *"Thư bảo lãnh này có hiệu lực trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát hành"* thành *"Thư bảo lãnh này có hiệu lực từ ngày phát hành đến hết ngày 28/02/2023."*

Căn cứ các Hợp đồng mua bán số 248-1, 248-2 và 209-1 cũng như các Thư bảo lãnh nêu trên, Công ty N đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng hoá cho Công ty V.P tại Ngân hàng B, tuy nhiên, Công ty V.P không giao được bất cứ hàng hoá nào theo các Hợp đồng mua bán đã kí kết. Theo các Biên bản giữa 02 bên, Công ty V.P đã xác nhận không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ theo Hợp đồng mua bán ký kết giữa Công ty N và Công ty V.P. Theo đó, hai bên thống nhất để Công ty N đề nghị Ngân hàng B thực hiện việc thanh toán bảo lãnh theo đúng nội dung bảo lãnh đã phát hành.

Vì vậy, ngày 14/02/2023, Công ty N đã gửi Thư yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước và Thư yêu cầu thực hiện thanh toán bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho ngân hàng B, đề nghị ngân hàng trong thời hạn 48 tiếng kể từ khi nhận được văn bản thanh toán cho Công ty N toàn bộ số tiền bảo lãnh theo 06 Thư bảo lãnh nêu trên. Hồ sơ truy đòi bảo lãnh gồm: Hợp đồng mua bán, thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng, thư sửa đổi bảo lãnh, thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thực hiện hợp đồng, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước; toàn bộ đều là bản gốc và nộp trong thời hạn bảo lãnh; 03 (ba) biên bản xác nhận (bản gốc) của Công ty N và Công ty V.P nộp ngày 07/3/2023. 03 (ba) biên bản xác nhận ngày 22/02/2023 có nội dung Công ty V.P đã không thực hiện đúng và đầy đủ Hợp đồng mua bán số 248-1/HDMB/VP-N ngày 24/8/2022. Hợp đồng mua bán số 248-2/HDMB/VP-N ngày 24/8/2022. Hợp đồng mua bán 1029-1/HDMB/VP-N ngày 12/9/2022.

Từ ngày 24/8/2022 đến ngày 15/9/2022, số tiền Công ty cổ phần đầu tư thương mại V.P được nhận theo số tài khoản mở tại B số tiền là: **54.499.999.980 đồng**, lớn hơn so với Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước mà Ngân hàng đã phát hành là **54.000.000.000 đồng.** Sau khi giảm trừ các bảo lãnh thanh toán, đến thời điểm khởi kiện, Ngân hàng B vẫn chưa thanh toán số tiền bảo lãnh cho Công ty cổ phần Đầu tư N là: **49.678.400.000 đồng** (Bằng chữ: Bốn mươi chín tỉ, sáu trăm bảy mươi tám triệu, bốn trăm nghìn đồng), trong đó:

+ **15.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Mười lăm tỉ đồng) (Theo Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số Ref là GI22B93232 ngày 24/08/2022);

+ **750.000.000 đồng** (Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi triệu đồng) (Theo Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số Ref GI22B93209 ngày 24/08/2022);

+ **24.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi tư tỉ đồng) (Theo Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số Ref là GI22B9379 ngày 25/08/2022);

+ **1.200.000.000 đồng** (Bằng chữ: Một tỉ, hai trăm triệu đồng) (Theo Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số Ref GI22B93776 ngày 25/08/2022);

+ **7.978.400.000 đồng** (Bằng chữ: Bảy tỉ, chín trăm bảy mươi tám triệu, bốn trăm ngàn đồng) (Theo Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số Ref là GI22BA2027 ngày 15/09/2022);

+ **750.000.000 đồng** (Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi triệu đồng) (Theo Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số Ref GI22BA2059 ngày 15/09/2022).

Số tiền N chuyển khoản thừa vào tài khoản của Công ty Công ty Thương mại V.P mở tại B là **499.999.999 đồng** nguyên đơn không yêu cầu B phải trả khoản tiền này trong vụ án tranh chấp bảo lãnh này.

Do Ngân hàng không thực hiện nghĩa vụ nên nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện và sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện là: 1. Yêu cầu Ngân hàng TMCP Đầu tư và P.TViệt Nam thanh toán toàn bộ số tiền bảo lãnh tổng là **49.678.400.000 đồng** (Bằng chữ: Bốn mươi chín tỉ, sáu trăm bảy mươi tám triệu, bốn trăm nghìn đồng) cho Công ty Cổ phần Đầu tư N theo đúng quy định pháp luật; 2. Buộc Ngân hàng TMCP Đầu tư và P.TViệt Nam trả lãi chậm trả tạm tính đến ngày 25/3/2024 cho Công ty Cổ phần Đầu tư N là: **5.392.093.536 đồng** (Bằng chữ: Năm tỉ, ba trăm chín mươi hai triệu, không trăm chín mươi ba nghìn, năm trăm ba mươi sáu đồng). Căn cứ mức lãi suất chậm trả là 10% trên số tiền nợ gốc là **49.678.400.000 đồng** (Bằng chữ: Bốn mươi chín tỉ, sáu trăm bảy mươi trám triệu, bốn trăm nghìn đồng) kể từ ngày 17/02/2023.

Ở giai đoạn sơ thẩm, Ngân hàng không có yêu cầu phản tố. Đối với yêu cầu khởi kiện, yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn Ngân hàng không đồng ý. Trên cơ sở các Hợp đồng, văn bản được ký kết giữa Ngân hàng và các bên, Ngân hàng có ý kiến như sau:

- Toàn bộ thư bảo lãnh liên quan đến vụ án này được phát hành theo hợp đồng tín dụng 01/2022/14066620/HDTD ngày 26/5/2022, thời hạn từ ngày 26/5/2022 đến ngày 26/5/2023 có tài sản đảm bảo chung cho các hạn mức tín

dụng của Công ty V.P tại B chi nhánh H.T(Phát hành bảo lãnh trên cơ sở có tài sản đảm bảo). Xác nhận toàn bộ số tiền Công ty N đã chuyển vào tài khoản của Công ty V.P mở tại B như nguyên đơn trình bày là: 54.499.999.980 đồng. Các thư bảo lãnh do Phó giám đốc chi nhánh H.T là bà V.T.H được uỷ quyền của Giám đốc chi nhánh theo văn bản uỷ quyền số 1641/GUQ-B.HTH ngày 15/6/2020 của Giám đốc B chi nhánh H.T, có thu phí và công khai trên hệ thống của B.

Đối với yêu cầu Ngân hàng thanh toán toàn bộ số tiền bảo lãnh tổng cộng là 49.678.400.000 đồng cho Công ty Cổ phần Đầu tư N (gọi tắt là "Bên thụ hưởng/Công ty N"), Ngân hàng có ý kiến như sau:

* Căn cứ theo các đề nghị của **Công ty V.P**, Ngân hàng đã phát hành các Thư bảo lãnh cho Bên thụ hưởng là Công ty CP Đầu tư N như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Căn cứ HĐMB phát hành BL	**Ngày phát hành BL**	**Loại BL/Số Thư BL**	**Giá trị bảo lãnh**			**Ngày hết hạn BL (sau các lần sửa đổi gia hạn BL)**	**Căn cứ sửa đổi / giảm trừ giá trị BL**
			Thời điểm phát hành	**Đã sửa đổi/ giảm trừ**	**Còn lại**		
HĐMB số 248-1/HDMB/VP-N ngày 24/08/2022	24/08/2022	THHĐ GI22B93209	750		750	23/02/2023	
	24/08/2022	***Tạm ứng GI22B93232***	***15.000***	***8.100*** *(ký PLHĐ giảm)*	***6.900***	***23/02/2023***	Ngân hàng đã phát hành Thư sửa đổi BL ngày 23/11/2022 để giảm trừ giá trị BL
HĐMB số 248-2/HDMB/VP-N ngày 24/08/2022	25/08/2022	THHĐ GI22B93776	1.200		1.200	23/02/2023	
	25/08/2022	***Tạm ứng GI22B93793***	***24.000***	***4.000*** *(ký BBGH)*	***20.000***	***23/02/2023***	Cty V.P đã cung cấp bản gốc Biên bản giao hàng ngày 21/03/2023 có xác nhận của

Căn cứ HĐMB phát hành BL	Ngày phát hành BL	Loại BL/Số Thư BL	Giá trị bảo lãnh			Ngày hết hạn BL (sau các lần sửa đổi gia hạn BL)	Căn cứ sửa đổi / giảm trừ giá trị BL
			Thời điểm phát hành	Đã sửa đổi/ giảm trừ	Còn lại		
							Cty N để giảm trừ giá trị BL tương ứng
HĐMB số 1209-1/ HDMB/VP-N ngày 12/09/2022	15/09/2022	THHĐ GI22BA2059	750		750	28/02/2023	
	15/09/2022	***Tạm ứng GI22BA2027***	***15.000***	***7.022*** *(ký PLHĐ giảm)*	***7.978***	***28/02/2023***	Ngân hàng đã phát hành Thư sửa đổi BL ngày 11/11/2022 để giảm trừ giá trị BL
TỔNG		03 THHĐ	2.700		2.700		
		03 Tạm ứng	***54.000***	***19.122***	***34.878***		
		Tổng	**56.700**	**19.122**	**37.578**		

Tổng nghĩa vụ bảo lãnh sau khi giảm trừ là: **37.578.000.000 đồng** (Tổng số tiền bảo lãnh sau khi giảm trừ **56.700.000.000 đồng** – số lượng hàng tại Biên bản giao hàng số GH 1/248 – 2/HĐMB/ VP – N ngày 21/3/2023 với số tiền hàng **4.000.050.000 đồng;** - 8.100.000.000 đồng sau khi ký Phụ lục hợp đồng và phát hành Thư sửa đổi BL ngày 23/11/2022; - 7.021.600.000 đồng sau khi ký Phụ lục hợp đồng và phát hành Thư sửa đổi BL ngày 11/11/2022 để giảm trừ giá trị BL).

Các nghĩa vụ giảm trừ bảo lãnh đã được các bên tự nguyện thoả thuận Điều 4 của các Thư bảo lãnh quy định: "*Trách nhiệm của Ngân hàng theo thư bảo lãnh này chỉ giới hạn tối đa trong số tiền nêu tại mục 2 và trách nhiệm này sẽ giảm dần tương ứng với trách nhiệm bên được bảo lãnh đã thực hiện và bảo lãnh ngân hàng đã được thực hiện nếu có*".

Ngân hàng nhận được bản gốc từ Công ty V.P đối với biên bản giao hàng số GH 1/248 – 2/HĐMB/ VP – N ngày 21/3/2023 được ký và đóng dấu bởi 02 người đại diện theo pháp luật của Công ty N và Công ty V.P xác nhận đã nhận được hàng hoá với số tiền hàng **4.000.050.000 đồng**. Biên bản này đã được Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của 2 Công ty ký và đóng dấu đầy

đủ (như các HĐMB và các Phụ lục kèm theo để NH phát hành các Thư bảo lãnh). Vì vậy, việc 2 bên ký biên bản giao hàng xác nhận việc đã giao hàng và giảm trừ giá trị thư bảo lãnh tương ứng (4.000.050.000 đồng) là hoàn toàn đầy đủ cơ sở pháp lý. Đến hiện tại 2 Công ty lại phản hồi và xác nhận lại là chưa giao hàng hay thanh toán tiền gì thì có thể hiểu là đại diện theo pháp luật của 2 Công ty đã cố tình giả mạo, ký biên bản giao hàng khống để cung cấp cho Ngân hàng, không nhằm ngoài mục đích lừa đảo Ngân hàng, che dấu hoạt động giao dịch khác. Vì vậy, Ngân hàng đề nghị 2 Công ty làm rõ việc tại sao chưa giao hàng/thanh toán tiền gì lại ký khống biên bản giao hàng đã hoàn thành nghĩa vụ giao hàng. Ngân hàng sẽ xem xét có làm đơn ra cơ quan công an để làm rõ hành vi này hay không.

* Nội dung điều kiện thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo các thư bảo lãnh đã phát hành:

- *Đối với bảo lãnh thực hiện hợp đồng (THHĐ):*

"3. Khi Bên được bảo lãnh vi phạm nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng cam kết thanh toán vô điều kiện không huỷ ngang vào tài khoản của Bên nhận bảo lãnh bất kỳ khoản tiền hoặc các khoản tiền nhưng không vượt quá số tiền nêu tại Mục 2 khi Ngân hàng nhận được các tài liệu sau:

(i) Bản gốc Văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh có chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo uỷ quyền và con dấu của Bên nhận bảo lãnh kèm theo xác nhận của Bên nhận bảo lãnh ghi rõ nghĩa vụ mà Bên được bảo lãnh đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng;

(ii) Bản gốc Thư bảo lãnh này

(iii) Tài liệu chứng minh Bên được bảo lãnh đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng."

- *Đối với bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước (tạm ứng):*

"3. Khi Bên được bảo lãnh vi phạm nghĩa vụ hoàn trả tiền ứng trước theo Hợp đồng, Ngân hàng cam kết thanh toán vô điều kiện không huỷ ngang vào tài khoản của Bên nhận bảo lãnh bất kỳ khoản tiền hoặc các khoản tiền nhưng không vượt quá số tiền nêu tại Mục 2 khi Ngân hàng nhận được các tài liệu sau:

(i) Bản gốc Văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh có chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo uỷ quyền và con dấu của Bên nhận bảo lãnh kèm theo xác nhận của Bên nhận bảo lãnh ghi rõ nghĩa vụ mà Bên được bảo lãnh đã không thực hiện đúng nghĩa vụ hoàn trả tiền ứng trước theo quy định trong Hợp đồng;

(ii) Bản gốc Thư bảo lãnh này

(iii) Tài liệu chứng minh Bên được bảo lãnh đã vi phạm nghĩa vụ hoàn trả tiền ứng trước theo Hợp đồng."

- Ngày 22/02/2023, Công ty N đã gửi hồ sơ yêu cầu Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thay cho Công ty V.P theo các Thư bảo lãnh nêu trên (gồm 06

Thư yêu cầu thực hiện thanh toán ký ngày 14/02/2023). Ngân hàng sau khi tiếp nhận hồ sơ, đã gửi Công văn số 282/B.HTH-KHDN1 ngày 23/02/2023 cho Công ty V.P để yêu cầu thực hiện các nghĩa vụ bảo lãnh.

- Ngày 06/3/2023, Ngân hàng đã gửi Công văn số 335/B.HTH-KHDN1 đến địa chỉ của Bên thụ hưởng là: Tầng 8, Cao Ốc Văn Phòng số 137 Lê Quang Định, Phường 14, quận B.T, Hồ Chí Minh, để yêu cầu Bên thụ hưởng cung cấp bổ sung các hồ sơ sau:

+ Hồ sơ chứng minh chữ ký trên các Thư yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của Quý Công ty là của người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo uỷ quyền.

+ Các tài liệu chứng minh Bên được bảo lãnh đã vi phạm nghĩa vụ hoàn trả tiền ứng trước theo Hợp đồng:

+ Các tài liệu chứng minh Bên được bảo lãnh đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng.

Tuy nhiên, Công ty chuyển phát nhanh (Viettel Post) không gửi được Công văn của Ngân hàng đến địa chỉ của Bên thụ hưởng và đã gửi trả lại cho Ngân hàng (lý do: Không có người nhận tại địa chỉ của Công ty N nêu trên).

- Ngày 07/3/2023, Bên thụ hưởng đã gửi đến Ngân hàng 03 Biên bản xác nhận ngày 22/02/2023 của Công ty V.P và Công ty N, trong đó có nội dung:

(i) Vì nhiều nguyên nhân khác nhau nên phía Công ty V.P đã không thực hiện đúng và đầy đủ các Hợp đồng mua bán đã ký kết giữa Công ty V.P và Công ty N.

(ii) Các bên thống nhất để Công ty N đề nghị B H.Tthực hiện việc thanh toán bảo lãnh thanh toán theo đúng nội dung thư bảo lãnh đã phát hành.

- Ngày 27/7/2023, Ngân hàng tiếp tục nhận được Đơn đề nghị ngày 12/06/2023 của Bên thụ hưởng đề nghị thực hiện nghĩa vụ đối với các bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước (không yêu cầu thực hiện bảo lãnh thực hiện hợp đồng).

Trong thời gian từ ngày 07/03/2023 đến 27/07/2023, Ngân hàng không nhận được *Hồ sơ chứng minh chữ ký trên các Thư yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của Bên thụ hưởng là của người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo uỷ quyền và các tài liệu chứng minh Bên được bảo lãnh đã vi phạm nghĩa vụ*. Bên cạnh đó, Ông Bùi Trung Quân – Giám đốc Công ty N không liên hệ với Ngân hàng cũng như chưa từng xuất hiện để làm việc với Ngân hàng.

- Ngày 26/9/2023, Ngân hàng tiếp tục nhận được Đơn đề nghị ngày 23/09/2023 của Bên thụ hưởng đề nghị thực hiện nghĩa vụ đối với các bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước (không yêu cầu thực hiện bảo lãnh thực hiện hợp đồng).

- Ngày 09/10/2023, Ngân hàng đã tiếp tục gửi Công văn số 2045/B.HTH-KHDN1 đến địa chỉ của Bên thụ hưởng là: Tầng 8, Cao Ốc Văn Phòng số 137

Lê Quang Định, Phường 14, quận B.T, Thành phố Hồ Chí Minh (Viettel Post đã xác nhận giao thư thành công) để thông báo đến Công ty N các nội dung sau:

+ Về việc phản hồi đề nghị thanh toán của Công ty N: *Thông báo đến Công ty N về việc B H.Tđã có Công văn số 335/B.HTH-KHDN1 gửi đến địa chỉ của Công ty N để yêu cầu bổ sung thêm các hồ sơ, tuy nhiên Công ty chuyển phát nhanh không gửi được với lý do:"Không có người nhận tại địa chỉ của Công ty N nêu trên".*

+ Đối với Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số Ref GI22B93232 ngày 24/08/2022: *B H.Tđã thông báo đến Công ty N về việc Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số Ref GI22B93232 chưa đủ điều kiện để Bên thụ hưởng yêu cầu Chi nhánh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thay cho Công ty V.P.*

+ Đối với các thư bảo lãnh còn lại: *B H.Ttiếp tục đề nghị Công ty N cung cấp, bổ sung các hồ sơ sau:*

(i) Bổ sung các hồ sơ chứng minh chữ ký trên các Thư yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của Công ty N là của người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo uỷ quyền.

(ii) Bổ sung các hồ sơ có liên quan khác chứng minh Công ty V.P vi phạm nghĩa vụ bảo lãnh theo Hợp đồng.

- Ngày 09/10/2023 và 17/10/2023 Công ty N tiếp tục gửi lên Trụ sở chính B Đơn đề nghị thực hiện nghĩa vụ đối với các bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước (không yêu cầu thực hiện bảo lãnh thực hiện hợp đồng).

- Theo nội dung Giấy giới thiệu số 310/2023/GGT-BTL ngày 30/10/2023 của Công ty TNHH Luật Bách Tín, Công ty N đã ủy quyền cho Công ty TNHH Luật B.Tđể giải quyết các vấn đề phát sinh theo 03 thư bảo lãnh số Ref: GI22B93232, GI22B93793, GI22BA2027 và các Thư sửa đổi bảo lãnh kèm theo.

- Ngày 29/11/2023, Công ty TNHH Luật B.T tiếp tục gửi Công văn yêu cầu Ngân hàng thanh toán số tiền 49.678.400.000 VNĐ.

- Ngày 05/01/2024, đại diện Công ty TNHH Luật B.Tcũng đã liên lạc và bàn giao cho Ngân hàng các hồ sơ bổ sung gồm: 01 bản sao y công chứng GCN Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần của Công ty N và bản gốc 03 Biên bản xác nhận (có nội dung gần tương tự 03 Biên bản xác nhận ký ngày 22/02/2023) nhưng lại ký ngày 14/02/2023, cụ thể:

(i) Vì nhiều nguyên nhân khác nhau nên phía Công ty V.P đã vi phạm nghĩa vụ giao hàng theo các Hợp đồng mua bán đã ký kết giữa Công ty V.P và Công ty N.

(ii) Các bên thống nhất để Công ty N đề nghị B H.Tthực hiện việc thanh toán bảo lãnh thanh toán theo đúng nội dung thư bảo lãnh đã phát hành.

Ý kiến của Ngân hàng đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty N:

Căn cứ đề nghị của Công ty V.P, Ngân hàng đã phát hành Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số Ref GI22B93232 với các nội dung chính như sau:

- Số tiền bảo lãnh: **15.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng)

- Số tiền bảo lãnh sau khi sửa đổi: **6.900.000.000 đồng** (sửa đổi giảm giá trị ngày 23/11/2022).

- Thời hạn bảo lãnh (sau các lần sửa đổi, gia hạn bảo lãnh): *Thư bảo lãnh này có hiệu lực trong vòng 60 ngày* ***kể từ ngày toàn bộ số tiền tạm ứng nói trên được ghi có vào Tài khoản số 1221.000.2111.340 của Công ty tại Ngân hàng*** *nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn ngày 23/02/2023.*

- Trong 02 ngày 24/8/2022 và 25/8/2022, căn cứ các giao dịch phát sinh trên tài khoản số 1221.000.2111.340 của Công ty V.P tại Ngân hàng, có 21 giao dịch chuyển tiền từ Bên thụ hưởng cho Công ty V.P với tổng số tiền là **15.499.999.980 đồng**, với các nội dung chuyển tiền (phát sinh có) chi tiết như sau:

Ngày	**Số tiền PSC (VND)**	**Nội dung chuyển**	**Ghi chú**
24/09/2022	9.499.999.981 (= 499.999.999 x 19)	CK2-240822-18; CK3-240822-18; CK4-240822-18; CK5-240822-18; CK6-240822-18; …	Gồm 19 giao dịch có cùng số tiền giống nhau là 499.999.999 VND, nội dung chuyển tiền đều **KHÔNG** thể hiện nội dung chuyển tiền theo HĐMB số 248-1/ HDMB/VP-N đã ký ngày 24/08/2022. → Ngân hàng đánh giá các lệnh chuyển tiền này chưa đủ căn cứ chứng minh là khoản tiền tạm ứng theo Hợp đồng mua bán số 248-1/HDMB/VP-N mà có thể là nội dung giao dịch khác giữa 2 Công ty.
25/09/2022	5.500.000.000	THANH TOAN HD MUA BAN SO 248-1 /HDMB/VP-NVAT	02 giao dịch chuyển tiền này có nội dung chuyển tiền **CÓ** thể hiện nội dung thanh toán theo HĐMB số 248-1/HDMB/VP-N đã ký ngày 24/08/2022. Tuy nhiên, tổng giá trị 02 giao dịch này là 5.999.999.999 VND < 6.900.000.000 VND, là giá trị BLTƯ sau khi sửa đổi.
25/09/2022	499.999.999	CK UNG TRUOC TIEN HD 248-1/HDMB/VP-N	
Tổng	**15.499.999.980**	Tổng số tiền chuyển đã này lớn hơn tổng giá trị bảo lãnh tạm ứng đã phát hành ban đầu (15 tỷ đồng chẵn) là 499.999.980 VND	

Trên cơ sở đó, Ngân hàng đánh giá Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số Ref GI22B93232 **chưa có giá trị hiệu lực** do tổng số tiền tạm ứng có nội dung chuyển tiền đúng theo HĐMB số 248-1/HDMB/VP-N của Bên thụ hưởng nhỏ

hơn giá trị Thư bảo lãnh sau khi sửa đổi. Do đó, Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số Ref GI22B93232 chưa đủ điều kiện để Bên thụ hưởng yêu cầu Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thay cho Công ty V.P.

Các thư yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của Công ty N được gửi đến ngân hàng trong thời hạn hiệu lực của thư bảo lãnh, tuy nhiên tài liệu chứng minh được bổ sung sau ngày hết hạn hiệu lực của các thư bảo lãnh, chi tiết tại mục 1.2 Quá trình xử lý yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh

* Căn cứ theo nội dung Thông tư 07/2015/TT-NHNN ngày 25/06/2015 của NHNN quy định về bảo lãnh Ngân hàng, quy định tại:

- ***Khoản 1, Điều 21. Thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh***: "Để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, bên nhận bảo lãnh phải gửi văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh kèm hồ sơ theo thỏa thuận tại cam kết bảo lãnh cho bên bảo lãnh. Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh được coi là hợp lệ khi bên bảo lãnh nhận được trong thời gian làm việc của bên bảo lãnh và trong thời hạn hiệu lực của cam kết bảo lãnh. Trường hợp gửi yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh dưới hình thức thư bảo đảm qua mạng bưu chính công cộng thì ngày bên bảo lãnh nhận được yêu cầu là ngày ký nhận thư bảo đảm."

- ***Khoản 7, Điều 27. Quyền của bên bảo lãnh***: "Từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi cam kết bảo lãnh hết hiệu lực hoặc hồ sơ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh không đáp ứng đủ các điều kiện quy định trong cam kết bảo lãnh, hoặc có bằng chứng chứng minh chứng từ xuất trình là giả mạo."

* Căn cứ nội dung các thư bảo lãnh đã phát hành đã nêu rõ tại Mục IV nêu trên, Ngân hàng đánh giá các yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của Công ty N đều chưa hợp lệ do Công ty N vừa cung cấp muộn (sau thời hạn hiệu lực bảo lãnh), vừa cung cấp chưa đầy đủ được các hồ sơ theo thỏa thuận tại cam kết bảo lãnh trong thời hạn hiệu lực của cam kết bảo lãnh, cụ thể:

- Sau ngày 28/02/2023 là ngày hết hạn hiện lực của tất cả các Thư BL đã phát hành.

- Ngày 07/03/2023, Công ty N mới bổ sung hồ sơ là 03 Biên bản xác nhận ký ngày 22/02/2023 của Công ty N và Công ty V.P.

- Ngày 05/01/2024, Công ty N bổ sung thêm hồ sơ gồm: (i) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần của Công ty N (để xác định có đúng người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo uỷ quyền hay không) và (ii) 03 Biên bản xác nhận ký ngày 14/02/2023 của Công ty N và Công ty V.P.

- Đến thời điểm hiện tại, Công ty N cũng vẫn chưa cung cấp đầy đủ cho Ngân hàng các tài liệu chứng minh Bên được bảo lãnh đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng và nghĩa vụ hoàn trả tiền ứng trước theo Hợp đồng (hiện đã quá thời hạn hiệu lực của cam kết bảo lãnh).

=> Do đó, Ngân hàng có quyền từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo đúng quy định tại ***Khoản 7, Điều 27*** Thông tư 07/2015/TT-NHNN ngày

25/06/2015 đã nêu ở trên.

Ở giai đoạn sơ thẩm Bà Hà là người đại diện theo pháp luật của Công ty V.P (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) xác nhận là người ký kết, thực hiện các Hợp đồng mua bán hàng hoá, Các Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng và các Thư sửa đổi bảo lãnh như các đương sự trình bày. Việc ký kết và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; xác nhận Công ty N và Công ty V.P có ký biên bản giao hàng số GH 1/248 – 2/HĐMB/ VP – N ngày 21/3/2023 (với số lượng hàng hoá tương đương **4.000.050.000 đồng**); xác nhận không thực hiện đúng và đầy đủ theo các Hợp đồng mua bán đã ký kết.

Công ty V.P xác nhận đã nhận được khoản tiền của Công ty N chuyển tiền vào tài khoản Công ty V.P tại B tổng cộng là **54.499.999.980 đồng**.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty cổ phần Đầu tư N: Sau khi kiểm tra lại hồ sơ, Công ty NT xác nhận Công ty V.P đã giao hàng số lượng hàng hoá tương đương **4.000.050.000 đồng** theo Biên bản giao hàng số GH 1/248 – 2/HĐMB/ VP – N ngày 21/3/2023 và theo Uỷ nhiệm chi ngày 21/6/2024, xác nhận Công ty V.P đã chuyển khoản số tiền **1.000.000.000 đồng** cho Công ty N. Do đó, xác định Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số Ref GI22B93793 ngày 25/08/2022 với giá trị bảo lãnh sau khi giảm trừ là: 24.000.000.000 đồng - 4.000.050.000 đồng – 1.000.000.000 đồng = **18.999.950.000 đồng**.

Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn sửa đổi bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Yêu cầu Ngân hàng TMCP Đầu tư và P.TViệt Nam thanh toán số tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước cho Công ty N là: **36.578.350.000 đồng**. Cụ thể:

Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số Ref GI22B93232 ngày 24/08/2022 với giá trị bảo lãnh sau khi sửa đổi: Giảm từ 15.000.000.000 đồng còn **6.900.000.000 đồng.**

Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số Ref GD22B93209 ngày 24/08/2022 với giá trị bảo lãnh là **750.000.000** đồng.

Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số Ref GI22B93776 ngày 25/08/2022 với giá trị bảo lãnh là: **1.200.000.000 đồng.**

Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số Ref GI22B93793 ngày 25/08/2022 với giá trị bảo lãnh sau khi giảm trừ là: **18.999.950.000 đồng.**

Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số Ref GI22BA2027 ngày 15/9/2022 với giá trị bảo lãnh sau khi sửa đổi là: **7.978.400. 000 đồng.**

Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 1315/TBL-B.HTH có số Ref GI22BA2059 ngày 15/9/2022 với giá trị bảo lãnh là **750.000.000 đồng**.

2. Buộc Ngân hàng TMCP Đầu tư và P.TViệt Nam trả lãi chậm trả là 10% trên số tiền nợ gốc **36.578.350.000 đồng** kể từ ngày 22/02/2023 cho Công ty Cổ phần Đầu tư N cho đến khi trả xong khoản nợ, tạm tính đến ngày 14/9/2024 là: **5.702.214.014 đồng**.

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT Ở CẤP SƠ THẨM:

Ngày 14/9/2024, Tòa án nhân dân Quận H.K đã tiến hành xét xử và ban hành Bản án số 36/2024/KDTM-ST, tuyên:

I. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần đầu tư N đối với Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam.

1. Buộc Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam (B) phải thanh toán cho Công ty N số tiền theo các Thư bảo lãnh thực hiện Hợp đồng, Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước là: **36.578.350.000 đồng** *(Bằng chữ: Ba mươi sáu tỉ, năm trăm bảy mươi tám triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng)*. Cụ thể:

Đối với các Thư bảo lãnh phát hành cho Hợp đồng mua bán hàng hoá số 248-1/HDMB/VP-N ngày 24/8/2022: Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số Ref là GI22B93232 ngày 24/8/2022, giá trị thời điểm phát hành là 15.000.000.000 đồng, giá trị bảo lãnh theo Thư sửa đổi bảo lãnh là: **6.900.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Sáu tỉ, chín trăm triệu đồng);* Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số Ref GD22B93209 ngày 24/08/2022 với giá trị bảo lãnh là: **750.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi triệu đồng)*.

Đối với các Thư bảo lãnh phát hành cho Hợp đồng mua bán hàng hoá số 248-2/HDMB/VP-N ngày 25/08/2022: Thư bảo lãnh tạm ứng số GI22B93793 ngày 25/08/2022, giá trị thời điểm phát hành là 24.000.000.000 đồng, giá trị bảo lãnh sau giảm trừ là: **18.999.950.000 đồng** *(Bằng chữ: Mười tám tỉ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng)*; Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số Ref GI22B93776 ngày 25/08/2022 với giá trị bảo lãnh là: **1.200.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Một tỉ, hai trăm triệu đồng)*.

Đối với các Thư bảo lãnh phát hành cho Hợp đồng mua bán hàng hoá số 248-2/HDMB/VP-N ngày 24/8/2022: Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số Ref là GI22BA2027 ngày 15/9/2022, giá trị thời điểm phát hành là 15.000.000.000 đồng, giá trị bảo lãnh theo Thư sửa đổi bảo lãnh là: **7.978.400.000 đồng (***Bằng chữ: Bảy tỉ, chín trăm bảy mươi tám triệu, bốn trăm nghìn đồng);* Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số GI22BA2059 ngày 15/9/2022 với giá trị bảo lãnh là: **750.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Bảy trăm năm mười triệu đồng).*

2. Buộc Ngân hàng TMCP Đầu tư và P.TViệt Nam (B) phải trả tiền lãi chậm thanh toán đối với các Thư bảo lãnh nói trên cho Công ty Cổ phần đầu tư N theo mức lãi suất chậm trả là 10% trên số tiền nợ gốc: **36.578.350.000 đồng** kể từ ngày 22/02/2023, tạm tính đến ngày 14/9/2024: **5.702.214.014** *(Bằng chữ: Năm tỉ, bảy trăm linh hai triệu, hai trăm mười bốn nghìn, không trăm mười bốn)* **đồng**.

Tổng số tiền Ngân hàng TMCP Đầu tư và P.TViệt Nam (B) phải trả cho Công ty Cổ phần đầu tư N đối với các Thư bảo lãnh thực hiện Hợp đồng, bảo lãnh hoàn trả tiền ứng, tạm tính đến ngày 14/9/2024 là: **42.280.564.014 đồng**. Trong đó nợ gốc: **36.578.350.000 đồng**; Nợ lãi chậm trả tạm tính: **5.702.214.014 đồng**. (*Bằng chữ: Bốn mươi hai tỉ, hai trăm tám mươi triệu, năm trăm sáu mươi bốn nghìn, không trăm mười bốn đồng).*

Ngân hàng TMCP Đầu tư và P.TViệt Nam (B) còn phải tiếp tục thanh toán cho Công ty Cổ phần đầu tư N khoản tiền lãi phát sinh kể từ 15/9/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất 10%/năm theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

II. Giành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác khi các bên có yêu cầu cho Công ty cổ phần đầu tư N với số tiền **499.999.999 đồng** (*Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng)* đã chuyển khoản vượt quá so với tổng giá trị các thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước mà Ngân hàng đã phát hành.

Ngoài ra Bản án 36/2024/KDTM-ST còn tuyên về vấn đề án phí, thi hành án và quyền kháng cáo. Ngày 26/9/2024, bị đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm: Nguyên đơn, bị đơn bên thừa nhận có ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, 06 chứng thư bảo lãnh ngân hàng B đã phát hành đối với từng hợp đồng, mỗi hợp đồng bao gồm 02 chứng thư bảo lãnh, cụ thể: Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng và các thư sửa đổi, bổ sung thư bảo lãnh giữa bên đề nghị bảo lãnh là Công ty V.P với bên thụ hưởng là Công ty N;

Ngân hàng B và Công ty N xác định và thừa nhận: Tiền thực hiện bảo lãnh 03 hợp đồng kinh tế (ký giữa Công ty V.P và Công ty N), đặc biệt là hợp đồng số 248-1 đều được chuyển từ tài khoản của Công ty N sang tài khoản chỉ định của Công ty V.P mở tại Ngân hàng B.

Ý kiến của Ngân hàng cho rằng Ngân hàng không có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với Hợp đồng mua bán hàng hoá số 248-1 vì nguyên đơn chuyển khoản cho bên mua 21 lần chuyển khoản nhưng trong đó có 19 lần không ghi rõ nội dung; có 2 lần chuyển khoản ghi nội dung chuyển khoản theo Hợp đồng 248-1. Đối với các hợp đồng còn lại, đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật và đề nghị huỷ Bản án sơ thẩm. Ngân hàng khẳng định quá trình phát hành các thư bảo lãnh Ngân hàng đều kiểm tra thẩm định, thấy đủ điều kiện thực hiện bảo lãnh theo quy trình tại Thông tư 07/2025 của Ngân hàng Nhà nước.

Ngày 11/2/2025 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có văn bản cho rằng hợp đồng mua bán giữa Công ty V.P và Công ty N chỉ nhằm mục đích che giấu giao dịch vay nợ cá nhân, nên hợp đồng này không có giá trị pháp lý và không thể làm cơ sở ràng buộc nghĩa vụ bảo lãnh của Ngân hàng.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các nội dung như đã trình bày ở giai đoạn sơ thẩm, đề nghị Toà án giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan- Ông H trình bày: Hợp đồng mua bán giữa Công ty V.P và Công ty N giả cách; Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, phía người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập gì về hợp đồng giả cách; ông Hiếu không cung cấp được bất cứ tài liệu chứng cứ gì chứng minh hợp đồng mua bán hàng hóa giữa N và V.P giả cách, không cung cấp được tài liệu nào liên quan đến vụ án, các quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can liên quan;

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án: Đơn kháng cáo của bị đơn gửi hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định, do đó xác định kháng cáo hợp lệ (Điều 272, 273 BLTTDS). Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý vụ án đúng quy định.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng**:** Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn.

+ Xét nghĩa vụ bảo lãnh của B đối với từng hợp đồng mua bán:

Hợp đồng mua bán hàng hoá số 248-1/HDMB/VP-N ngày 24/08/2022: Tổng số tiền Công ty N đã chuyển vào tài khoản của Công ty V.P trong 02 ngày 24, 25/8/2022 tổng số tiền 15.499.999.980 đồng để tạm ứng thực hiện hợp đồng. Trong đó có 19 giao dịch ngày 24/8/2022 không thể hiện nội dung chuyển khoản cho hợp đồng nào tổng số tiền 9.499.999.981 đồng - B không chấp nhận số tiền này là chuyển khoản tiền ứng trước cho Hợp đồng số 258-1 là không có căn cứ. Bởi nội dung hợp đồng không quy định nội dung chuyển khoản phải ghi rõ chuyển tiền cho hợp đồng nào, đồng thời ngày 24/8/2022 giữa hai công ty không ký hợp đồng nào khác ngoài hợp đồng số 248-1 do vậy có cơ sở xác định số tiền này là để thanh toán cho hợp đồng 248-1. Còn số tiền 499.999.980 đồng Công ty N trình bày là chuyển tiền thừa, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không xem xét.

Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số Ref là GI22B93232 ngày 24/8/2022, giá trị thời điểm phát hành là 15.000.000.000 đồng, giá trị bảo lãnh theo Thư sửa đổi bảo lãnh là: **6.900.000.000 đồng;** Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số Ref GD22B93209 ngày 24/08/2022 với giá trị bảo lãnh là: 750.000.000 đồng do vậy B phải thanh toán cho Công ty N tổng số tiền 7.650.000.000 đồng.

Hợp đồng mua bán hàng hoá số 248- 2/HDMB/VP-N ngày 25/08/2022: Thực hiện tạm ứng theo hợp đồng, Công ty N đã chuyển vào tài khoản Công ty V.P 24.000.000.000đồng.

Đối với các Thư bảo lãnh phát hành cho Hợp đồng mua bán hàng hoá số 248- 2/HDMB/VP-N ngày 25/08/2022: Thư bảo lãnh tạm ứng số GI22B93793 ngày 25/08/2022, giá trị thời điểm phát hành là 24.000.000.000 đồng, giá trị bảo

lãnh sau giảm trừ là: 18.999.950.000 đồng; Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số Ref G122B93776 ngày 25/08/2022 với giá trị bảo lãnh là: 1.200.000.000 đồng.

Công ty N xác định đã nhận bàn giao số hàng hóa ngày 21/3/2023 giá trị 4.000.050.000 đồng và nhận lại 1.000.000.000 đồng theo ủy nhiệm chi ngày 21/6/2024 do vậy giá trị tiền tạm ứng thực hiện hợp đồng chỉ còn 18.999.950.000 đồng.

Như vậy B phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với Công ty N số tiền 20.199.950.000 đồng.

Hợp đồng mua bán hàng hoá số 1209- l/HDMB/VP-N ngày 12/9/2022: Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số Ref là GI22BA2027 ngày 15/9/2022, giá trị thời điểm phát hành là 15.000.000.000 đồng, giá trị bảo lãnh theo Thư sửa đổi bảo lãnh là: 7.978.400.000 đồng, Ngày 15/9/2022 Công ty N đã chuyển cho Công ty V.P 15.000.000.000 đồng; Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số GI22BA2059 ngày 15/9/2022 với giá trị bảo lãnh là: 750.000.000 đồng. Như vậy B phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với Công ty N số tiền 8.728.400.000 đồng.

Tổng số tiền B phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với Công ty N là 36.578.350.000 đồng.

+ *Đối với phần tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ*. Cụ thể: Ngày 14/2/2023, Công ty N có 06 Thư yêu cầu thanh toán bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tiền tạm ứng gửi B yêu cầu B trong thời hạn 48 tiếng kể từ khi nhận được văn bản này thanh toán số tiền bảo lãnh. Ngày 22/02/2023, Công ty N giao cho B hồ sơ yêu cầu thực hiện bảo lãnh tuy nhiên ngày 07/3/2023 mới bàn giao cho B Biên bản xác nhận ngày 22/2/2023 giữa Công ty N và Công ty V.P về việc thực hiện không đúng đầy đủ hợp đồng. Như vậy nghĩa vụ thanh toán tiền bảo lãnh của B chỉ phát sinh khi nhận được đủ hồ sơ bảo lãnh. Ngày 07/3/2023 B mới nhận được 03 Biên bản xác nhận không thực hiện được đúng và đủ hợp đồng giữa Công ty V.P và Công ty N do vậy B thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh chậm nhất 05 ngày sau theo quy định tại điều 21 Thông tư số 07/2015 của Thống đốc ngân hàng nhà nước, do vậy nghĩa vụ của B phát sinh từ ngày ngày 13/3/2023. cấp sơ thẩm buộc B chịu lãi chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 22/02/2023 là chưa phù hợp do vậy cần sửa án sơ thẩm về thời hạn tính lãi chậm thanh toán từ ngày 10/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 14/9/2024 là 551 ngày chậm thanh toán số tiền là 5.521.827.630 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

Công ty cổ phần Đầu tư N có đơn khởi kiện Ngân hàng TMCP Đầu tư và P.TViệt Nam có địa chỉ trụ sở tại: Tháp B, số 194 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận H.K, Thành phố Hà Nội, yêu cầu Toà án giải quyết tranh chấp phát sinh từ các Thư bảo lãnh do B phát hành. Do vậy, Tòa án nhân dân quận

H.K thụ lý giải quyết và xác định là vụ án kinh doanh thương mại có quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh" là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (gọi tắt là BLTTDS 2015).

1.2. Về thời hạn kháng cáo:

Ngày 14/9/2024, TAND Quận H.K ban hành Bản án số 36/2024/KDTM-ST. Ngày 26/9/2024, bị đơn có Đơn kháng cáo là trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ theo quy định của Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

1.3. Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty V.P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng không có mặt không có lý do. Lần thứ hai, Công ty V.P xin hoãn phiên toà với lý do có chuyến công tác đột xuất, chưa kịp làm thủ tục uỷ quyền cũng như trao đổi lại nội dung vụ án cho người khác trong Công ty để tham dự phiên toà. Lý do của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thuộc sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

[2]. Về nội dung:

Xét đơn kháng cáo của bị đơn, qua nghiên cứu tài liệu, hồ sơ vụ án, lời khai của các bên tại phiên toà phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- Ngân hàng thừa nhận đã phát hành 6 thư bảo lãnh vô điều kiện, không huỷ ngang để hoàn trả tiền ứng trước và bảo lãnh thực hiện hợp đồng là có thật, có đầy đủ hồ sơ giấy tờ theo quy định của ngân hàng và ngân hàng không phản đối là đã phát hành các thư bảo lãnh này.

- Bên bán (Công ty V.P) đã thực tế nhận được tiền tạm ứng của bên mua (Công ty N/ nguyên đơn) qua tài khoản mở tại Ngân hàng B để thực hiện các Hợp đồng mua bán đã ký kết và số tiền này lớn hơn giá trị bảo lãnh mà ngân hàng đã cam kết thực hiện.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty V.P đã có văn bản xác nhận vi phạm hợp đồng. Nguyên đơn đã gửi văn bản đề nghị Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong thời hạn bảo lãnh.

Với những tình tiết đã được các bên thừa nhận rõ như vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng việc thực hiện bảo lãnh của Ngân hàng là hoạt động kinh doanh dịch vụ cấp tín dụng của các tổ chức tín dụng được pháp luật ghi nhận. Các Thư Bảo lãnh mà Ngân hàng B đã phát hành là bảo lãnh vô điều kiện, là loại bảo lãnh mà việc thanh toán sẽ được thực hiện ngay khi Ngân hàng bảo lãnh nhận được yêu cầu bằng văn bản đầu tiên của người thụ hưởng thông báo rằng người được bảo lãnh đã vi phạm hợp đồng. Do vậy, việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi bên được bảo lãnh xuất trình hồ sơ hợp lệ (thư bảo lãnh còn trong thời hạn) là trách nhiệm đương nhiên của Ngân hàng, thể hiện sự cam kết uy tín của tổ chức tài chính để tạo sự tin tưởng cho các doanh nghiệp trong các hoạt động

liên quan đến việc thực hiện hợp đồng có giá trị thanh toán lớn. Do vậy Ngân hàng không có quyền từ chối thực hiện nghĩa vụ với bất kỳ lý do gì. Bản thân ngân hàng cũng đã có cơ chế bảo đảm khả năng thanh toán của bên yêu cầu bảo lãnh được quy định tại hợp đồng cấp bảo lãnh và các hợp đồng thế chấp tài sản, quyền tài sản kèm theo. Theo đó, khi bị đơn thực hiện thay cho Công ty V.P, Ngân hàng B được quyền ghi nợ đối với Công ty V.P và xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của hợp đồng cấp bảo lãnh. Việc V.P hiện nay gặp khó khăn, không có khả năng thanh toán bù đắp cho giá trị bảo lãnh mà Ngân hàng đã thực hiện (nếu có) là rủi ro kinh doanh mà Ngân hàng phải tự gánh chịu. Do vậy, nghĩa vụ bảo lãnh của ngân hàng trong phạm vi giá trị bảo lãnh đã phát sinh kể từ thời điểm ngân hàng phát hành các thư bảo lãnh theo quy định của điểm a khoản 12 Điều 3, Điều 21 Thông tư 07/2015/TT-NHNN ngày 25/6/2015 của Ngân hàng Nhà nước về bảo lãnh ngân hàng (văn bản pháp luật có hiệu lực vào thời điểm phát hành Thư bảo lãnh) và điểm a khoản 12 Điều 3, Điều 22 Thông tư 11/2022/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước về bảo lãnh ngân hàng (văn bản pháp luật có hiệu lực vào thời điểm xét xử).

Bị đơn nại ra lý do để từ chối không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh Hợp đồng mua bán 248-1 do 19 giao dịch chuyển tiền của nguyên đơn cho Công ty V.P không ghi rõ nội dung giao dịch chuyển tiền là không có cơ sở, bởi:

- Điều 10 Thông tư 07/2015/TT-NHNN ngày 25/6/2015 và Điều 10 Thông tư 11/2022/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước về "*Điều kiện đối với khách hàng*" không quy định điều kiện của hồ sơ yêu cầu bảo lãnh phải có chứng từ ghi rõ nội dung giao dịch chuyển tiền;
- Hồ sơ phát hành bảo lãnh do Ngân hàng quy định không buộc các bên liên quan phải ghi rõ khi chuyển tiền ứng trước phải ghi rõ nội dung giao dịch; nếu vi phạm thì sẽ không phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh của Ngân hàng;
- Khi nhận được hồ sơ yêu cầu bảo lãnh của nguyên đơn Ngân hàng đã không phản đối trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của nguyên đơn theo quy định của khoản 4 Điều 21 Thông tư 07/2015/TT-NHNN. Như vậy, Ngân hàng đã mất quyền phản đối theo quy định của pháp luật.

Đối với các Thư bảo lãnh của các Hợp đồng khác, Ngân hàng cho rằng không phát sinh hiệu lực nhưng Ngân hàng không nêu được các căn cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Xét ý kiến của Công ty V.P: Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy đến giai đoạn xét xử phúc thẩm Công ty V.P mới nêu ý kiến rằng giao dịch hợp đồng mua bán là giả cách để xem xét lại trách nhiệm bảo lãnh của ngân hàng B là không được chấp nhận bởi các lý do sau đây:

- Tiền của nguyên đơn được chuyển vào tài khoản của Công ty V.P phù hợp với thời gian diễn ra việc thực hiện hợp đồng giữa các bên và không có bất kỳ tài liệu nào cho thấy nguyên đơn và Công ty V.P ký hợp đồng giả cách để cho vay cá nhân;

- Công ty V.P là bên đã thực tế được nhận tiền ứng trước của Công ty N và đã ký văn bản thừa nhận vi phạm hợp đồng, yêu cầu Ngân hàng B thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, nên đã phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh của Ngân hàng, đồng thời phát sinh nghĩa vụ hoàn trả của Công ty V.P;

- Ở giai đoạn xét xử sơ thẩm, Công ty V.P không có ý kiến gì về việc này và không có yêu cầu độc lập do vậy đã mất quyền phản đối (về mặt tố tụng).

Vì vậy, Bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là có cơ sở. Tuy nhiên, về việc trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Ngày 14/2/2023, Công ty N có 06 Thư yêu cầu thanh toán bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tiền tạm ứng gửi B yêu cầu B trong thời hạn 48 tiếng kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu. Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện tính lãi từ ngày 22/2/2023. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy theo hồ sơ vụ án ngày 22/02/2023, Công ty N giao cho B hồ sơ yêu cầu thực hiện bảo lãnh tuy nhiên còn thiếu tài liệu là văn bản xác nhận vi phạm của Công ty V.P. Đến ngày 07/3/2023 nguyên đơn mới bàn giao cho B Biên bản ngày 22/2/2023 giữa Công ty N và Công ty V.P xác nhận việc Công ty V.P thực hiện không đúng, đầy đủ hợp đồng cho bị đơn. Theo quy định của điểm a khoản 2 Điều 21 Thông tư 07/2015/TT-NHNN "*chậm nhất sau 5 ngày làm việc kể từ ngày bên bảo lãnh nhận được văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh hợp lệ thì ngân hàng phải thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết*". Như vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm cho rằng thời điểm ngân hàng chậm thực hiện nghĩa vụ phải được bắt đầu tính từ ngày thứ 5 kể từ ngày 7/3/2023, tức là bắt đầu tính từ ngày 13/3/2023 theo quy định về tính thời hạn của Điều 147 Bộ luật Dân sự 2015, nên cần sửa lại Bản án sơ thẩm số 36/2024/KDTM-ST về số tiền lãi mà bị đơn phải chịu. Cụ thể số ngày chậm tính lãi từ ngày 13/3/2023 đến 14/9/2024 là 551 ngày, theo đó tiền lãi Ngân hàng phải chịu là: 36.578.350.000 đồng x 10%/365 ngày x 551 ngày = 5.521.827.630 đồng (*năm tỷ, năm trăm hai mốt triệu, tám trăm hai bảy nghìn, sáu trăm ba mươi đồng*).

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 22/2/2023 nhưng chỉ được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận tính lãi từ ngày 13/3/2023 nên nguyên đơn phải chịu án phí cho phần tiền lãi không được chấp nhận là 36.578.350.000 đồng x 10%/365 ngày x 19 ngày = 190.407.849 đồng (*một trăm chín mươi triệu, bốn trăm lẻ bảy nghìn, tám trăm bốn chín đồng*).

Bản án sơ thẩm số 36/2024/KDTM-ST xác định bị đơn phải trả tổng cộng là 42.280.564.014 đồng nhưng xác định số án phí bị đơn phải trả là 115.828.056 đồng là đã tính sai án phí sơ thẩm theo quy định của điểm 1.4 (e) mục 1 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 115; Điều 117; Điều 147, Điều 164; Điều 335; Điều 339; Điều 340; Điều 342; Điều 357; Điều 398; Điều 401; Điều 429; khoản 2 Điều 468 - Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị định 21/2021/NĐ – CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ về biện pháp bảo đảm;

- Căn cứ Điều 3, Điều 21 Thông tư 07/2015/TT-NHNN ngày 25/6/2015 của Ngân hàng Nhà nước về bảo lãnh ngân hàng và điểm a khoản 12 Điều 3, Điều 22 Thông tư 11/2022/TT-NHNN

- Căn cứ khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm d khoản 1.4 Điều 1 Mục II - Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Xử:

1. Sửa Bản án sơ thẩm số 36/2024/KDTM-ST ngày 14/9/2024 của TAND Quận H.K, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần đầu tư N đối với Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam:

- Buộc Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam (B) phải thanh toán cho Công ty N số tiền nợ gốc theo các Thư bảo lãnh thực hiện Hợp đồng, Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước là: **36.578.350.000 đồng** *(Bằng chữ: Ba mươi sáu tỉ, năm trăm bảy mươi tám triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng)* đối với các Thư bảo lãnh sau:

+ Thư bảo lãnh phát hành cho Hợp đồng mua bán hàng hoá số 248-1/HDMB/VP-N ngày 24/8/2022; Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số Ref là GI22B93232 ngày 24/8/2022, giá trị thời điểm phát hành là 15.000.000.000 đồng, giá trị bảo lãnh theo Thư sửa đổi bảo lãnh là: **6.900.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Sáu tỉ, chín trăm triệu đồng);* Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số Ref GD22B93209 ngày 24/08/2022 với giá trị bảo lãnh là: **750.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi triệu đồng)*.

+ Thư bảo lãnh phát hành cho Hợp đồng mua bán hàng hoá số 248-2/HDMB/VP-N ngày 25/08/2022: Thư bảo lãnh tạm ứng số GI22B93793 ngày 25/08/2022, giá trị thời điểm phát hành là 24.000.000.000 đồng, giá trị bảo lãnh sau giảm trừ là: **18.999.950.000 đồng** *(Bằng chữ: Mười tám tỉ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng)*; Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số Ref GI22B93776 ngày 25/08/2022 với giá trị bảo lãnh là: **1.200.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Một tỉ, hai trăm triệu đồng)*.

+ Thư bảo lãnh phát hành cho Hợp đồng mua bán hàng hoá số 248-2/HDMB/VP-N ngày 24/8/2022: Thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước số Ref là

GI22BA2027 ngày 15/9/2022, giá trị thời điểm phát hành là 15.000.000.000 đồng, giá trị bảo lãnh theo Thư sửa đổi bảo lãnh là: **7.978.400.000 đồng** (*Bằng chữ: Bảy tỉ, chín trăm bảy mươi tám triệu, bốn trăm nghìn đồng);* Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số GI22BA2059 ngày 15/9/2022 với giá trị bảo lãnh là: **750.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Bảy trăm năm mười triệu đồng).*

- Buộc Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam (B) phải trả tiền lãi chậm thanh toán đối với các Thư bảo lãnh nói trên cho Công ty Cổ phần đầu tư N theo mức lãi suất chậm trả là 10% trên số tiền nợ gốc: **36.578.350.000 đồng** kể từ ngày 13/03/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 14/9/2024 là **5.521.827.630** đồng (*Bằng chữ: Năm tỷ, năm trăm hai mốt triệu, tám trăm hai bảy nghìn, sáu trăm ba mươi đồng*).

Tổng số tiền Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam (B) phải trả cho Công ty Cổ phần đầu tư N đối với các Thư bảo lãnh thực hiện Hợp đồng, bảo lãnh hoàn trả tiền ứng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 14/9/2024 là: **42.100.177.630 đồng** (*Bốn mươi hai tỷ, một trăm triệu, một trăm bảy bảy nghìn, sáu trăm ba mươi đồng*). Trong đó nợ gốc: **36.578.350.000 đồng** (*Ba mươi sáu tỷ, năm trăm bảy tám nghìn, ba trăm năm mươi đồng*); Nợ lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm 14/9/2024: **5.521.827.630 đồng** (*Năm tỷ, năm trăm hai mốt triệu, tám trăm hai bảy nghìn, sáu trăm ba mươi đồng*).

Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam (B) còn phải tiếp tục thanh toán cho Công ty Cổ phần đầu tư N khoản tiền lãi phát sinh kể từ 15/9/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất 10%/năm theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Giành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác cho Công ty cổ phần đầu tư N với số tiền **499.999.999 đồng** (*Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng)* đã chuyển khoản vượt quá so với tổng giá trị các thư bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước khi có yêu cầu.

2. Về án phí:

2.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần đầu tư N phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là **9.520.392 đồng** *(Bằng chữ: Chín triệu, năm trăm hai mươi nghìn, ba trăm chín hai đồng***)**, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận H.K, Thành phố Hà Nội là: **136.039.200 đồng** (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi sáu triệu, không trăm ba mươi chín nghìn, hai trăm đồng)* theo biên lai số: 0006155 ngày 09/01/2024 và biên lai số: 0006547 ngày 30/5/2024, còn được nhận lại là **126.518.808 đồng** (*Một trăm hai mươi sáu triệu, năm trăm mười tám nghìn, tám trăm lẻ tám đồng*).

- Bị đơn: Ngân hàng TMCP Đầu tư và P.TViệt Nam (B) phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là **150.100.178 đồng** *(Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu, một trăm nghìn, một trăm bảy tám đồng).*

2.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm do được chấp nhận một phần kháng cáo, được hoàn trả lại số tiền án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0069038 ngày 10/10/2024 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H.K, thành phố Hà Nội.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *VKSND thành phố Hà Nội;*
- *Chi cục THA Q. H.K;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Xuân Tuấn